

Bản án số: 48/2019/DS-ST

Ngày: 23-8-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST - DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST - DS, ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị M, sinh năm 1962

Địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã KA, huyện UM, tỉnh CM (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H

Địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã KA, huyện UM, tỉnh CM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa chị Bùi Thị M trình bày:* Vào ngày 30 tháng 5 năm 2015 anh Trần Văn H có vay của chị M số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, có biên nhận nợ, từ khi vay đến nay không trả tiền gốc và cũng không trả tiền lãi. Chị M yêu cầu anh H trả số tiền gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi là 1,66%/tháng, thời điểm tính từ ngày

30/5/2015 đến ngày 23/8/2019 là 50 tháng 23 ngày với số tiền là 21.066.250 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 46.066.250 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị M khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn H địa chỉ cư trú ấp 10, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, trả tiền vay, xét đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Trần Văn H được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt anh H theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Bùi Thị M xác định anh Trần Văn H có vay của chị số tiền gốc là 25.000.000 đồng, chị M chứng minh bằng biên nhận ngày 30/5/2015 do anh H ký nhận nhưng anh H không trả tiền cho chị M, chị M yêu cầu anh H trả tiền cho chị. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Trần Văn H thông báo thụ lý vụ án, anh H trực tiếp nhận và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh H không có ý kiến gì liên quan đến yêu cầu của chị M và vắng mặt không lý do. Từ đó, cho thấy mặt nhiên anh H đã thừa nhận nợ đối với chị M nên yêu cầu của chị M là có căn cứ nên chấp nhận, buộc anh H có nghĩa vụ trả cho chị M số tiền gốc là 25.000.000 đồng.

Về lãi suất: Chị Bùi Thị M yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng với thời gian là 50 tháng 23 ngày với số tiền lãi là 21.066.250 đồng. Nhận thấy yêu cầu lãi suất của chị M không vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và thời gian, số tiền yêu cầu của chị M cũng phù hợp nên được chấp nhận.

Do đó buộc anh Trần Văn H trả cho chị Bùi Thị M số tiền gốc là 25.000.000 đồng và lãi suất là 21.066.250 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 46.066.250 đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

[4] Về án phí:

- Chị Bùi Thị M không phải chịu án phí, chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.906.000 (Một triệu chín trăm lẻ sáu nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004205 ngày 15/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho chị M.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Trần Văn H phải chịu trên số tiền phải trả cho chị M là $46.066.250 \text{ đồng} \times 5\% = 2.303.312$ (hai triệu ba trăm lẻ ba nghìn ba trăm mười hai) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Bùi Thị M về việc yêu cầu anh Trần Văn H trả tiền vay. Buộc anh Trần Văn H trả cho chị Bùi Thị M số tiền gốc là 25.000.000 và tiền lãi là 21.066.250 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 46.066.250 đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Chị Bùi Thị M không phải chịu án phí, chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.906.000 (Một triệu chín trăm lẻ sáu nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004205 ngày 15/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho chị M.

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Trần Văn H phải chịu 2.303.312 (hai triệu ba trăm lẻ ba nghìn ba trăm mười hai) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

